

**CÔNG TY TNHH TMDV VÀ SẢN XUẤT THÁI AN**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH TMDV VÀ SẢN XUẤT THÁI AN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: THAI AN MANUFACTURING AND TMDV COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: THAI AN MANUFACTURING AND TMDV CO.,LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 2301222257

**3. Ngày thành lập:** 11/10/2022

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Thôn Chung, Xã Cảnh Hưng, Huyện Tiên Du, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Điện thoại: 0981790695 - 0986938086

Fax:

Email: Hoangnhamstd@gmail.com

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                | Mã ngành    |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                                                                          | 4659        |
| 2.  | Bán buôn kim loại và quặng kim loại (trừ kinh doanh vàng miếng)                                                                                                                          | 4662        |
| 3.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                  | 4663        |
| 4.  | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu                                                                                                                                        | 4669        |
| 5.  | Bán buôn tổng hợp (trừ hàng hóa cấm)                                                                                                                                                     | 4690        |
| 6.  | Sản xuất sắt, thép, gang                                                                                                                                                                 | 2410        |
| 7.  | Sản xuất kim loại quý và kim loại màu                                                                                                                                                    | 2420        |
| 8.  | Đúc sắt, thép                                                                                                                                                                            | 2431        |
| 9.  | Đúc kim loại màu                                                                                                                                                                         | 2432        |
| 10. | Sản xuất các cấu kiện kim loại                                                                                                                                                           | 2511        |
| 11. | Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại                                                                                                                               | 2512        |
| 12. | Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại                                                                                                                                         | 2591        |
| 13. | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại                                                                                                                                             | 2592(Chính) |
| 14. | Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng                                                                                                                              | 2593        |
| 15. | Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đầu                                                                                                                              | 2599        |
| 16. | Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp                                                                                                                                                   | 2821        |
| 17. | Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại                                                                                                                                            | 2822        |
| 18. | Sản xuất máy luyện kim                                                                                                                                                                   | 2823        |
| 19. | Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng                                                                                                                                                    | 2824        |
| 20. | Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá                                                                                                                                     | 2825        |
| 21. | Sản xuất máy cho ngành dệt, may và da                                                                                                                                                    | 2826        |
| 22. | Sản xuất máy chuyên dụng khác                                                                                                                                                            | 2829        |
| 23. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô.<br>(Nghị định 10/2020/NĐ – CP quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô) | 4933        |
| 24. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (trừ hoạt động vận tải hàng hóa hàng không)                                                                                          | 5229        |
| 25. | Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn                                                                                                                                                   | 3311        |
| 26. | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                                                                                                               | 3312        |
| 27. | Sửa chữa thiết bị khác                                                                                                                                                                   | 3319        |
| 28. | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                                                                                                  | 3320        |
| 29. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                     | 4752        |

**6. Vốn điều lệ:** 1.500.000.000 VNĐ

## 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: **VŨ THỊ PHƯƠNG LOAN**

Giới tính: *Nữ*

Sinh ngày: *03/08/1995* Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *034195016526*

Ngày cấp: *10/07/2021*

Nơi cấp: *Cục cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *Thôn Đông, Xã Tàm Xá, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Thôn Đông, Xã Tàm Xá, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: **VŨ THỊ PHƯƠNG LOAN**

Giới tính: *Nữ*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *03/08/1995*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *034195016526*

Ngày cấp: *10/07/2021*

Nơi cấp: *Cục cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *Thôn Đông, Xã Tàm Xá, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Thôn Đông, Xã Tàm Xá, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

9. Nơi đăng ký: **Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bắc Ninh**